

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY**

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: [Yfatuf@gmail.com](mailto:Yfatuf@gmail.com)

Website: [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

### **QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2020-2021**

**Kính gửi:.....**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2021)	Số đầu năm (01/10/2020)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>100.650.184.719</b>	<b>76.364.131.676</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>78.943.429.566</b>	<b>39.632.790.637</b>
1. Tiền	111		11.843.429.566	4.032.790.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.100.000.000	35.600.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.140.284.444</b>	<b>24.724.125.540</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.315.931.242	17.602.389.535
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	370.287.604	4.777.985.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	459.723.148	2.349.407.855
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>15.167.059.038</b>	<b>11.505.873.997</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.167.059.038	11.505.873.997
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	V.8	<b>399.411.671</b>	<b>501.341.502</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		399.411.671	26.456.440
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	474.885.062
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.018.814.880</b>	<b>39.882.715.954</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	V.9	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2021)	Số đầu năm (01/10/2020)
2. Tra trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.842.022.151</b>	<b>23.909.631.147</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	47.842.022.151	23.881.820.663
- Nguyên giá	222		174.704.424.168	141.068.815.030
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(126.862.402.017)	(117.186.994.367)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	0	27.810.484
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(143.189.516)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>1.355.035.700</b>	<b>14.925.466.360</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.355.035.700	14.925.466.360
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.13	<b>2.821.757.029</b>	<b>1.047.618.447</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.821.757.029	1.047.618.447
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

 10/10  
 HUY  
 YEN

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ (30/09/2021)</b>	<b>Số đầu năm (01/10/2020)</b>
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>152.668.999.599</b>	<b>116.246.847.630</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>33.192.438.908</b>	<b>30.366.852.283</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.165.588.908</b>	<b>30.340.002.283</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	4.010.430.660	4.393.603.561
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.412.511.026	244.411.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	15.063.667.802	9.607.758.801
4. Phải trả người lao động	314		8.514.014.378	12.039.084.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	870.746.323	550.494.504
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.616.744.271	1.212.509.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.677.474.448	2.292.139.527
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.850.000</b>	<b>26.850.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

164  
ST  
HÀ  
NG  
: PH  
NB  
: AI -

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2021)	Số đầu năm (01/10/2020)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>119.476.560.691</b>	<b>85.879.995.347</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.24	<b>119.476.560.691</b>	<b>85.879.995.347</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.042.628.692	2.019.361.390
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.750.641.328	31.177.343.286
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.499.513.698	1.061.006.774
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		57.251.127.630	30.116.336.512
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>152.668.999.599</b>	<b>116.246.847.630</b>

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Ngày tháng năm 2021

Giám đốc

Trần Công Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên c****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Quý IV niên độ 2020-2021 (từ 01/07-30/9/2021)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2020-2021		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/07-30/09/2021)	Năm trước (01/07-30/09/2020)	Năm nay (01/10-30/09/2021)	Năm trước (01/10-30/09/2020)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	178.278.889.725	84.658.924.684	519.482.152.543	376.790.734.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	72.810.350	386.636.200	1.513.347.100	1.080.423.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		178.206.079.375	84.272.288.484	517.968.805.443	375.710.311.234
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	150.089.766.827	67.008.059.604	420.170.198.433	307.591.014.544
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		28.116.312.548	17.264.228.880	97.798.607.010	68.119.296.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	371.943.036	394.619.044	1.180.257.970	1.343.132.134
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	261.900.903	(17.102.043)	1.693.379.884	363.459.722
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		180.580.118	4.523.596	1.525.328.840	227.072.619
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	4.092.344.627	2.176.457.120	12.454.302.686	8.980.366.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	911.620.434	5.428.911.970	17.777.272.058	23.731.375.160
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.222.389.620	10.070.580.877	67.053.910.352	36.387.227.378
11. Thu nhập khác	31	VI.6	328.248.032	276.718.183	355.625.791	0
12. Chi phí khác	32	VI.7	45.000.012	1.210.791.293	101.186.355	863.006.838
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		283.248.020	(934.073.110)	254.439.436	(863.006.838)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.505.637.640	9.136.507.767	67.308.349.788	35.524.220.540
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.153.062.766	1.330.353.771	10.057.222.158	5.407.884.028
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		19.352.574.874	7.806.153.996	57.251.127.630	30.116.336.512
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		3.696	1.491	10.934	5.292
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày tháng năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Công Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)*  
**Quý IV niên độ 2020-2021 (từ 01/07-30/9/2021)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-30/9/2021)	Năm trước (01/10-30/9/2020)
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>67.308.349.788</b>	<b>35.524.220.540</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.792.018.461	7.277.192.952
- Các khoản dự phòng	03		0	(1.666.529.977)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.746.181	(591.861)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(513.121.914)	(608.807.859)
- Chi phí lãi vay	06		1.525.328.840	227.072.619
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>80.116.321.356</b>	<b>40.752.556.414</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.583.841.096	(14.398.278.805)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.661.185.041)	6.990.343.881
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.858.209.097)	858.326.122
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.147.093.813)	(109.252.823)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.525.328.840)	(227.072.619)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.979.311.853)	(4.734.997.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.023.972.000)	(1.427.610.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>61.505.061.808</b>	<b>27.704.014.283</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.067.491.442)	(21.612.516.964)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.114.960.000	350.780.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

11/EN/YI  
 3/0/0/10  
 H P  
 3/0/0/10

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-30/9/2021)	Năm trước (01/10-30/9/2020)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		757.540.727	971.040.467
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(22.194.990.715)</b>	<b>(20.290.696.497)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		171.673.227.788	31.280.411.513
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(171.673.227.788)	(31.280.411.513)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(18.326.080.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(18.326.080.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>39.310.071.093</b>	<b>(10.912.762.714)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>39.632.790.637</b>	<b>50.545.556.785</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		567.836	(3.434)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>78.943.429.566</b>	<b>39.632.790.637</b>

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kê toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



16  
G T  
PH  
N C  
C P  
N E  
ÁI -



# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
  - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
  - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**  
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:  
*Bao gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cuông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.  
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản xuất Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/09/2021 : 22.665 VND/USD

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

#### 17. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

YÊN BÁI  
N. SÀI  
I. YÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

---

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

#### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

10 / 09 / 2021  
AN HUY  
YÊN BAI

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

		<b>Cuối kỳ (30/09)</b>		<b>Đầu năm (01/10)</b>	
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>					
Tiền mặt		1.704.813.349		1.265.938.341	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		10.138.616.217		2.766.852.296	
Các khoản tương đương tiền		67.100.000.000		35.600.000.000	
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống</i>					
<b>Cộng</b>		<b>78.943.429.566</b>		<b>39.632.790.637</b>	
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		0	0	0	0
<b>Cộng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		199.633.059		2.625.935.609	
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		205.625.140		1.039.295.000	
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		0		4.639.584.600	
Công Ty TNHH Giấy Nhân Thành		14.775.285		0	
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát		0		156.602.045	
Công ty TNHH sản xuất: thương mại Đạt Phương		0		1.000.770.163	
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		484.182.240		724.999.440	
Công ty TNHH một thành viên QUAN - JIA		276.135.277		268.092.547	
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		3.086.746.350		4.415.515.065	
Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD		515.402.100		0	
Khách hàng khác		533.431.791		2.731.595.066	
<b>Cộng</b>		<b>5.315.931.242</b>		<b>17.602.389.535</b>	
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn</b>					
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hưng		0		3.500.000.000	
Công ty TNHH Phước Long		0		600.000.000	
Công ty TNHH MTV Tám ánh		0		202.950.000	
Công ty TNHH DVTM cơ khí xây dựng Nam Nghĩa		0		221.096.700	
Công ty cổ phần may xuất khẩu Yên Bái		96.200.000			
Công ty cổ phần GEA Việt		78.000.000			
Công ty TNHH tư vấn đầu tư nhật minh Yên Bái		100.000.000		0	
Khách hàng khác		96.087.604		253.939.000	
<b>Cộng</b>		<b>370.287.604</b>		<b>4.777.985.700</b>	
<b>5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>					
		<b>Cuối kỳ (30/09)</b>		<b>Đầu năm (01/10)</b>	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		<b>0</b>		<b>889.931.700</b>	
Phải thu Ban lãnh đạo-Tiền tạm ứng		0		889.931.700	
<b>Phải thu các tổ chức cá nhân khác</b>		<b>459.723.148</b>		<b>1.459.476.155</b>	
Thuế TNCN phải thu của người lao động		13.035.384		5.656.212	
Tạm ứng		320.356.500		1.317.000.000	
Phải thu lãi tiền gửi		102.867.671		56.397.809	
Các khoản phải thu khác		23.463.593		80.422.134	
<b>Cộng</b>		<b>459.723.148</b>		<b>2.349.407.855</b>	

16  
3 T  
H  
NG  
: PT  
V B  
41-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

<b>6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>Nợ phải thu, cho vay ngắn</b>	<b>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>(5.657.550)</b>		-
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ		-	-
<b>Số cuối kỳ</b>		-	<b>(5.657.550)</b>

<b>7. Hàng tồn kho</b>	<b>Cuối kỳ (30/09)</b>		<b>Đầu năm (01/10)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu;	10.504.120.663		7.711.269.440	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.062.836.822		1.048.296.168	
Thành phẩm;	2.600.101.553	-	2.746.308.389	
Hàng gửi đi bán;	0		0	
<b>Cộng</b>	<b>15.167.059.038</b>	-	<b>11.505.873.997</b>	-

<b>8. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
CP Phụ tùng thay thế, sửa chữa tại NM sản	0	26.456.440
Tiền chi phí cất cũi nhà máy sản VY	102.303.600	0
Trang bị đồ dùng HĐQT, Ban lãnh đạo Cty	297.108.071	0
<b>Cộng</b>	<b>399.411.671</b>	<b>26.456.440</b>

<b>9. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chi phí bảo trì phần mềm, sửa xe và bảo hiểm	47.052.737	113.777.559
- Công cụ dụng cụ tại Văn phòng	0	87.025.000
- Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và mái nhà xưởng tại Yên Bình	132.191.875	250.301.611
- Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình	345.924.091	0
- Chi phí Sửa chữa nhà cửa VKT tại Phú Thịnh	486.870.740	419.846.031
- Phí khai thác nước mặt, sửa chữa đường dây điện 35 Kw tại Yên Hợp	252.884.056	38.409.094
- Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân	107.695.919	138.259.152
- Cán sấy ẩm, máy đo độ trắng tại NM sản Văn Yên	99.457.573	0
- Cải tạo nhà cửa VKT NM sản Văn Yên	303.451.450	0
- Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM sản	853.382.727	0
- Sửa chữa TBA 1250 KVA-NM sản	104.209.500	0
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Yên Hợp, Văn Chấn	88.636.361	0
<b>Cộng</b>	<b>2.821.757.029</b>	<b>1.047.618.447</b>

<b>10. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)

**11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	59.803.789.336	74.465.399.577	5.652.284.712	537.871.369	609.470.036	<b>141.068.815.030</b>
Tăng trong kỳ	10.267.306.396	23.695.177.278	2.419.900.000	-	-	36.382.383.674
- Do mua sắm mới		23.695.177.278	2.419.900.000			26.115.077.278
- Do phân loại TSCĐ	10.267.306.396					10.267.306.396
- Do XDCB hoàn thành	(243.638.173)	(1.140.000.000)	(1.097.136.363)	(266.000.000)	-	<b>(2.746.774.536)</b>
Giảm trong kỳ						
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	(243.638.173)	(1.140.000.000)	(1.097.136.363)	(266.000.000)		(2.746.774.536)
- Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>69.827.457.559</b>	<b>97.020.576.855</b>	<b>6.975.048.349</b>	<b>271.871.369</b>	<b>609.470.036</b>	<b>174.704.424.168</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm

- Tăng do trích khấu hao trong kỳ

- Tăng do điều chỉnh phân loại

Giảm trong kỳ

- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC

- Thanh lý, nhượng bán

**Số cuối kỳ****Giá trị còn lại**

Số đầu năm

Số cuối kỳ

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	13.560.484	171.000.000	0

17/09/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

<i>Chi phí vật tư sửa chữa lớn, MMTB nhà máy giấy Yên Hợp</i>	337.893.282	(337.893.282)	0
<i>Chi phí sửa chữa lớn, MMTB nhà máy que Ván Chăn</i>	53.486.364	(53.486.364)	0
<i>Chi phí hút vết bùn vệ sinh hồ biogas, hệ thống nước, sửa chữa nhà cửa</i>	2.392.839.944	(2.423.212.944)	0
<i>VKT tại nhà máy sản Yên Yên</i>	128.522.724	(128.522.724)	0
<i>Ủ phân vi sinh nhà máy sản Yên Yên</i>	1.820.509.272	(1.820.509.272)	0
<i>Sửa chữa hào đường MMTB nhà máy sản Yên Yên, CP 4</i>	135.077.009	(135.077.009)	0
<i>Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng nhà máy Nguyễn Phúc</i>	258.122.491	(258.122.491)	0
<i>Sửa chữa nhà cửa VKT niên độ 2020-2021 NM sản Yên Yên</i>	14.925.466.360	29.409.312.580	14.483.846.219
<b>Cộng</b>	<b>(33.295.210.947)</b>	<b>(9.684.532.293)</b>	<b>1.355.035.700</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****13. Chi phí XDCB dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	14.895.093.360	22.537.991.536	(33.295.210.947)	(2.782.838.249)	1.355.035.700
<i>Chi phí dự án cải tạo tổng thể nhà máy sản Yên Yên</i>	14.867.653.360	630.825.890	(15.498.479.250)		0
<i>Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất bã sản phẩm NM sản Yên Yên</i>		6.330.000.000	(6.330.000.000)		0
<i>Nhà kho chứa bã sản phẩm nhà máy sản Yên Yên</i>		335.062.672	(335.062.672)		0
<i>Chi phí cải tạo nhà máy gia công giấy XK Nguyễn Phúc</i>		1.005.645.500	(1.005.645.500)		0
<i>Hệ thống sản đường nội bộ nhà máy giấy Yên Hợp</i>		244.523.000	(244.523.000)		0
<i>Nhà kho thành phẩm, mái vòm nhà máy giấy Yên Hợp</i>		128.763.500	(128.763.500)		0
<i>Sửa chữa cải tạo nhà cửa vật kiến trúc NM giấy Văn Chấn</i>		652.631.373	(512.308.862)	(140.322.511)	0
<i>Nâng cấp trạm cân ở tổ điện tử nhà máy giấy Yên Hợp</i>		86.257.418	(86.257.418)		0
<i>Cải tạo, mở rộng hệ thống Biogas nhà máy sản Yên Yên</i>		4.414.634.560	(4.414.634.560)		0
<i>Chi phí sửa chữa MMTB, mở rộng kho, cải tạo gương dân thành hồ điều hòa nhà máy sản Yên Yên</i>	27.440.000			(27.440.000)	0
<i>Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Yên Yên số 2</i>		1.042.535.700			1.042.535.700
<i>Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân</i>		2.260.750.252	(1.486.101.236)	(462.149.016)	312.500.000
<i>Sửa chữa cải tạo nhà máy sản Yên Yên</i>		3.234.914.399	(2.870.772.654)	(364.141.745)	0
<i>Sửa chữa cải tạo nhà máy Phú Thịnh</i>		800.810.909	(382.662.295)	(418.148.614)	0
<i>Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM sản VY</i>		975.294.545		(975.294.545)	0
<i>Chi phí cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình</i>		395.341.818		(395.341.818)	0
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>30.373.000</b>	<b>6.871.321.044</b>	<b>-</b>	<b>(6.901.694.044)</b>	<b>0</b>
<i>Chi phí sửa chữa lớn nhà cửa vật kiến trúc NM giấy Văn Chấn</i>		231.988.988		(231.988.988)	0
<i>Chi phí vật tư, sửa chữa lớn, nhà cửa vật kiến trúc, mở rộng kho bãi nhà máy giấy Minh Quân</i>		376.065.286		(376.065.286)	0
<i>Chi phí sửa chữa lớn nhà cửa VKT Phú Thịnh</i>					0
<i>Chi phí vật tư sửa chữa lớn, hệ thống nước thải, sửa chữa VKT nhà máy giấy Yên Bình</i>		1.136.815.684		(1.136.815.684)	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	0	106.365.500
Công ty TNHH An Hoa	448.800.000	482.625.000
Công ty cổ phần Đông á	440.254.430	85.695.786
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	199.650.000	590.700.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	300.300.000	338.470.000
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	301.150.300	216.845.200
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	193.427.785	570.419.322
Công ty cổ phần Kỹ thương Đại Việt	0	500.000.000
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	400.872.120	0
Công ty TNHH Vi Toàn	269.676.000	0
Công ty TNHH xây dựng và thương mại 268 Yên Bái	135.632.000	0
Công ty TNHH MTV Tâm ảnh	116.875.000	0
Phải trả các đối tượng khác	1.203.793.025	1.502.482.753
<b>Cộng</b>	<b>4.010.430.660</b>	<b>4.393.603.561</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH KD thương mại và DV Dương Duy	0	30.050.000
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên	418.552.635	0
Công ty TNHH một thành viên nông sản Đông Hưng	192.965.888	0
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát	273.412.290	0
Công ty CP JUNMA Yên Bái	0	178.886.460
Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Hồng Châu	45.806.520	0
Công ty cổ phần Bình Thiên Phú	148.594.200	0
Phải trả cho các đối tượng khác	333.179.493	35.475.521
<b>Cộng</b>	<b>1.412.511.026</b>	<b>244.411.981</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp**

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.335.729.480	26.482.245.888	20.820.206.672	11.997.768.696
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	93.343.875	93.343.875	0
Thuế nhập khẩu	0			0
Thuế TNDN	2.975.152.461	10.057.222.158	9.979.311.853	3.053.062.766
Thuế thu nhập cá nhân	0	2.053.879.869	2.053.879.869	0
Thuế tài nguyên	10.433.880	265.520.210	263.117.750	12.836.340
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	286.442.980	193.104.217	479.547.197	0
Các loại thuế khác	0	248.900.000	248.900.000	0
<b>Cộng</b>	<b>9.607.758.801</b>	<b>39.394.216.217</b>	<b>33.938.307.216</b>	<b>15.063.667.802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Phí bảo vệ môi trường đối NTCN Quý 3 năm 2021

Phí Dịch vụ môi trường rừng Quý III năm 2021

Tiền thuê đất năm 2021(YH; YB; Sản 2; VP)

Chi phí tiền điện

Chi phí phải trả ngắn hạn khác

**Cộng****Cuối kỳ****Đầu năm**

187.980.582

334.458.824

10.750.000

0

452.892.084

164.123.657

161.035.680

55.000.000

55.000.000

**870.746.323****550.494.504****18. Phải trả ngắn hạn khác**

Kinh phí công đoàn

Tiền BHXH phải trả cho Người lao động

Bảo hiểm xã hội

Tiền bảo hiểm TNLD, BNN được hỗ trợ do Covid-19

Phải trả khác tại VP

Công ty TNHH Khánh Hưng Hà Giang

Phải trả khác

Tiền Tiết kiệm vật tư

Tiền bốc vác, CP khác

**Cộng****Cuối năm****Đầu năm**

147.275.558

218.398.760

791.880.959

720.241.118

43.315.538

0

18.012.601

55.852.000

460.000.000

0

156.259.615

218.017.321

66.137.700

166.874.520

90.121.915

51.142.801

**1.616.744.271****1.212.509.199****19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn****Đầu năm****Cuối kỳ**

Giá trị

Khả năng trả nợ

Giá trị

Khả năng trả nợ

Vay ngắn hạn NH Bidv YBái

0

0

0

0

Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái

0

0

0

0

**Cộng****0****0****0****0****Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	162.130.023.936	162.130.023.936	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái		9.543.203.852	9.543.203.852	0
	<b>0</b>	<b>171.673.227.788</b>	<b>171.673.227.788</b>	<b>0</b>

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Sửa chữa lớn các đơn vị

**Cộng****Cuối năm****Đầu năm**

0

0

0

0

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)****21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	451.994.122	1.204.653.461	1.656.647.583	0
Quỹ phúc lợi	1.840.145.405	1.204.653.460	1.367.324.417	1.677.474.448
	<b>2.292.139.527</b>	<b>2.409.306.921</b>	<b>3.023.972.000</b>	<b>1.677.474.448</b>

**22. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vinh Phúc

**Cộng**

Cuối năm	Đầu năm
1.850.000	1.850.000
<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>

**23. Phải trả dài hạn khác**

Ông Hà Xuân Quảng

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

**Cộng**

Cuối năm	Đầu năm
5.000.000	5.000.000
20.000.000	20.000.000
<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>

11/21/21 15:30:10

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)

### 24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	1.589.316.120	21.837.313.622	76.169.920.413
Lợi nhuận trong kỳ				30.116.336.512	30.116.336.512
Trích lập các quỹ trong kỳ				(2.450.226.348)	(2.020.181.078)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP			430.045.270	-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Chi cổ tức				(18.326.080.500)	(18.326.080.500)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>52.360.230.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>2.019.361.390</b>	<b>31.177.343.286</b>	<b>85.879.995.347</b>
Số dư đầu năm nay	52.360.230.000	323.060.671	2.019.361.390	31.177.343.286	85.879.995.347
Lợi nhuận trong kỳ				57.251.127.630	57.251.127.630
Trích lập các quỹ trong kỳ				(6.023.267.302)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi			6.023.267.302	(2.409.306.921)	(2.409.306.921)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(301.163.365)	(301.163.365)
Chi cổ tức niên độ 2019-2020 (40%)				(20.944.092.000)	(20.944.092.000)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Bán cổ phiếu quỹ				-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>52.360.230.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>8.042.628.692</b>	<b>58.750.641.328</b>	<b>119.476.560.691</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của các cổ đông	52.360.230.000	52.360.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
<b>Cộng</b>	<b>52.683.290.671</b>	<b>52.683.290.671</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	5.236.023	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.236.023	5.236.023
+ Cổ phiếu phổ thông	5.236.023	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.236.023	5.236.023
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
<b>d) Cổ tức</b>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	10.934	5.751
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển;	8.042.628.692	2.019.361.390
<b>20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	3.345.791.735	6.584.318.240
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	398.621,77	473.291,06

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	519.482.152.543	376.790.734.834
<b>Trong đó:</b> Doanh thu nội địa	374.616.011.407	312.449.680.623
DT xuất khẩu trực tiếp	144.866.141.136	64.341.054.211
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	74.439.306.330	50.617.487.850
<i>Tương đương Tiền USD</i>	3.284.328,54	2.182.470,00
- DT Sản phẩm Giấy đề XK	28.293.034.806	13.143.866.361
<i>Tương đương Tiền USD</i>	1.248.313,91	580.849,56
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	42.133.800.000	579.700.000
<i>Quy ra USD</i>	1.858.980,81	24.657,59
Tổng cộng USD:	6.391.623,26	2.787.977,15
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.513.347.100</b>	<b>1.080.423.600</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>517.968.805.443</b>	<b>375.710.311.234</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	1.513.347.100	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	420.170.198.433	307.591.014.544
	<b>420.170.198.433</b>	<b>307.591.014.544</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	757.540.727	1.027.438.276
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	294.905.719	315.101.997
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.259.355	591.861
- Chiết khấu thanh toán	118.552.169	0
<b>Cộng</b>	<b>1.180.257.970</b>	<b>1.343.132.134</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	1.525.328.840	227.072.619
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	168.051.044	136.387.103
	<b>1.693.379.884</b>	<b>363.459.722</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	355.625.791	0
<b>Cộng</b>	<b>355.625.791</b>	<b>0</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	12.443.643	74.655.147
- Tiền thuê đất	0	336.257.000
- Chi phí thanh lý TSCĐ	0	425.894.054
- Máy tính HĐQT không điều hành	88.636.365	0
- Chi phí khác	106.347	26.200.637
<b>Cộng</b>	<b>101.186.355</b>	<b>863.006.838</b>
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	9.591.470.237	13.769.409.774
Chi phí vật liệu quản lý	234.995.828	210.321.486
Chi phí đồ dùng văn phòng	482.383.187	479.140.913
Chi phí khấu hao TSCĐ	401.820.748	588.965.656
Thuế, phí và lệ phí	2.030.295.826	1.664.147.519
Chi phí trợ cấp thôi việc	277.538.674	1.142.525.160
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.657.550	5.657.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.291.984.899	1.446.105.891
Chi phí bằng tiền khác	3.461.125.109	4.425.101.211
<b>Cộng</b>	<b>17.777.272.058</b>	<b>23.731.375.160</b>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	12.454.302.686	8.980.366.564
<b>Cộng</b>	<b>12.454.302.686</b>	<b>8.980.366.564</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.057.222.158	5.407.884.028
	10.057.222.158	5.407.884.028

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày tháng năm 2021

Giám đốc

Trần Công Bình

200116441  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
LÂM NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM  
YÊN BÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)		Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ + Văn		Loại trừ nội bộ	Cộng
	Giấy để	bóc+rác văn							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	132.181.066.541	74.286.777.870	303.883.006.219	7.775.320.272	1.355.981.641	-	519.482.152.543		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	17.673.618.520	20.498.358.373	90.091.115.520	1.966.480.000	(165.475.595.439)	-	-		
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.673.618.520</b>	<b>167.427.089.567</b>	<b>393.974.121.739</b>	<b>9.741.800.272</b>	<b>1.355.981.641</b>	<b>(165.475.595.439)</b>	<b>519.482.152.543</b>		
Chi phí bộ phận	-	102.461.994.219	268.499.755.217	7.943.015.717	-	-	450.559.138.636		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	29.719.072.322	35.383.251.002	(167.695.445)	-	-	67.567.032.266		
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	1.180.257.970		
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	(1.693.379.884)		
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	355.625.791		
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	(101.186.355)		
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(10.057.222.158)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-		

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN TIÊU C PHẠM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					Giá để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
<b>Số cuối năm</b>										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	136.126.462.804	10.235.657.407	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	152.668.999.599				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(47.595.180.464)	8.112.472.883	1.382.774.738	37.478.943.036	620.989.807	-				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>88.531.282.340</b>	<b>18.348.130.290</b>	<b>3.977.071.429</b>	<b>41.160.795.296</b>	<b>651.720.244</b>	<b>152.668.999.599</b>				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.649.902.113	10.235.657.407	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	33.192.438.908				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>16.649.902.113</b>	<b>10.235.657.407</b>	<b>2.594.296.691</b>	<b>3.681.852.260</b>	<b>30.730.437</b>	<b>33.192.438.908</b>				
<b>Số đầu năm</b>										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	102.810.989.964	6.469.134.249	2.057.135.648	4.150.220.243	759.367.526	116.246.847.630				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(23.372.999.684)	7.360.266.028	132.150.076	14.749.883.980	1.130.699.600	-				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>79.437.990.280</b>	<b>13.829.400.277</b>	<b>2.189.285.724</b>	<b>18.900.104.223</b>	<b>1.890.067.126</b>	<b>116.246.847.630</b>				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.934.932.715	6.469.134.249	2.057.135.648	4.146.282.145	759.367.526	30.366.852.283				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>16.934.932.715</b>	<b>6.469.134.249</b>	<b>2.057.135.648</b>	<b>4.146.282.145</b>	<b>759.367.526</b>	<b>30.366.852.283</b>				

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÀM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 12 tháng niên độ 2020-2021 (tiếp theo)**

### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	374.616.011.407	312.449.680.623
Khu vực xuất khẩu	144.866.141.136	64.341.054.211
<b>Cộng</b>	<b><u>519.482.152.543</u></b>	<b><u>376.790.734.834</u></b>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(24.067.491.442)	(21.612.516.964)
<b>Cộng</b>	<b><u>(24.067.491.442)</u></b>	<b><u>(21.612.516.964)</u></b>

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Giám đốc

Trần Công Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 449/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2021

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận  
sau thuế so với cùng kỳ năm trước tại  
BCTC Văn Phòng Công ty

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái báo cáo giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty quý IV niên độ 2020-2021 (từ ngày 01/07 đến 30/09/2021) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 35.878.382.630 đồng  
này của năm 2021
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 6.510.021.795 đồng  
này của năm 2020
- Chênh lệch tăng : 451%

**Nguyên nhân:**

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước là 102%;

- Giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ năm trước là 82%;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính Văn Phòng Công ty năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 450/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2021

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi  
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm  
trước tại BCTC tổng hợp

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý IV niên độ 2020-2021 (từ ngày 01/07 đến 30/09/2021) có kết quả như sau:

- |   |   |                     |
|---|---|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này của năm 2021 | : | 19.352.574.874 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này của năm 2020 | : | 7.806.153.996 đồng  |
| - Chênh lệch tăng   | : | 148%                |

**Nguyên nhân:**

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước là 111%;

- Giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ năm trước là 124%;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP





CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~451~~ /KT  
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2021

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
  - 8.1. Báo cáo tài chính quý IV niên độ 2020-2021 (kỳ kế toán từ 01/07 đến 30/09/2021) của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm:
    - Bảng cân đối kế toán;
    - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
    - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
    - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
  - 8.2. Nội dung giải trình:
    - Công văn số ~~449~~ /KT ngày 19/10/2021 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.
    - Công văn số ~~450~~ /KT ngày 19/10/2021 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)  
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

